

**VĨNH BÀ**  
(Nguyên GV chuyên Anh, Quốc học Huế)



(Tái bản  
lần thứ tư)

**NGỮ PHÁP  
& BÀI TẬP  
NÂNG CAO**

**TIẾNG ANH**

**7**

(CÓ ĐÁP ÁN)



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



**VĨNH BÁ**

**NGŨ PHÁP & BÀI TẬP NÂNG CAO**  
**TIẾNG ANH**

**7**

*(Tái bản lần thứ hai)*

**CÓ ĐÁP ÁN**

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

Luyện Thi 365

## UNIT 1: BACK TO SCHOOL

### A. TỪ VỰNG VÀ NGỮ PHÁP

#### I. TỪ VỰNG

- bus stop	(n)	: trạm xe buýt
- different	(adj)	: khác (nhau)
- distance	(n)	: khoảng cách
- far	(adj)	: xa
- miss	(v)	: nhớ, nhớ nhung
- means of transportation	(n)	: phương tiện giao thông
- nice	(adj)	: tốt, đẹp, hay
- parent	(n)	: cha/ mẹ
- pretty	(adv)	: khá, tương đối
- unhappy	(adj)	: không vui, buồn
- so am I		: tôi cũng vậy

#### II. CHỦ ĐIỂM NGỮ PHÁP

1. **Trạng từ thời gian STILL** (vẫn, vẫn còn): STILL có hai vị trí trong câu:

a) đứng giữa chủ ngữ và động từ thường:

*Ví dụ:* Her parents **still** live in Hue.

*Cha mẹ cô ấy vẫn sống ở Huế.*

Do you **still** go to school by bus?

*Bạn vẫn đi học bằng xe buýt đấy chứ?*

b) đứng sau động từ BE:

*Ví dụ:* I am **still** a student.

*Tôi vẫn là một học sinh.*

He is still sick.

*Cậu ấy vẫn còn ốm.*

2. **MANY và A LOT OF** (tính từ chỉ lượng bất định)

- MANY đứng trước danh từ số nhiều và thường dùng trong câu phủ định.

- A LOT OF đứng trước cả danh từ số nhiều lẫn danh từ không đếm được và thường dùng trong câu khẳng định.

*Ví dụ:* Tan doesn't have many envelopes, but he has a lot of stamps.

*Tân không có nhiều bì thư nhưng bạn ấy có nhiều tem.*

**3. So sánh tính từ bậc hơn (Comparative Adjectives).**

**a. Khi so sánh tính từ một âm tiết hoặc tính từ chấm dứt bằng -Y, hoặc -OW, ta dùng cấu trúc sau:**

**adjective-ER + THAN**

*Ví dụ:* The blue book is thicker than the red one.

*Cuốn sách màu xanh dày hơn cuốn màu đỏ.*

*Hoa is happier than Huong.*

*Hoa vui vẻ hơn Hương.*

*This door is narrower than that one.*

*Cửa ra vào này hẹp hơn cửa kia.*

**b. khi so sánh tính từ có từ hai âm tiết trở lên, ta dùng cấu trúc sau:**

**MORE + adjective + THAN**

*Ví dụ:* This exercise is more difficult than that one.

*Bài tập này khó hơn bài tập kia.*

*Mai is more intelligent than Hoa.*

*Mai thông minh hơn Hoa.*

Lưu ý các trường hợp bất quy tắc:

good → better

bad → worse

little → less

much → more

**4. HOW + Adjective để hỏi về mức độ**

Ta đã học HOW OLD ? (bao nhiêu tuổi?)

Nay ta có thêm: HOW FAR? (bao xa/ xa chừng nào?)

*Ví dụ:* How far is it from Hue to Hanoi ?

*Từ Huế đến Hà Nội xa chừng nào?*

*How far is it from your house to school?*

*Từ nhà bạn đến trường là bao xa?*

**B. BÀI TẬP**

**1. Hãy điền vào các dòng trống để có một đoạn hội thoại thích hợp.**

**Huong** : Hello, Mai.

**Mai** : Hi, Huong. Nice to see you again.

**Huong** : (1) .....

**Mai** : This is our new classmate. (2) Her .....

**Huong** : Nice to meet you, Hoa.

**Hoa** : (3) .....

**Huong** : (4) ..... ?

**Hoa** : I'm from Hue.

**Huong** : (5) ..... ?

**Hoa** : I live at 77 Chu Van An Street.

**Huong** : (6) ..... ?

**Hoa** : I go to school by bus.

**2. Sắp xếp các từ trong mỗi câu sau thành một câu hoàn chỉnh.**

1. that / who / talking / Miss Lien / is / girl / to?

.....

2. Hoa / name / her / is.

.....

3. a / new / is / she / student.

.....

4. is / what / she / class / in?

.....

5. our / is / she / in / class.

.....

6. does / where / live / she?

.....

7. with/Chu Van An Street/aunt/ lives/ her uncle / she / on / and.

.....

8. do / live / where / parents / her?

.....

9. in / live / Hue / they.

.....

10. she / is / how old?

.....

11. 13 / is / she.

.....

**3. Hãy đặt câu hỏi cho các phần được gạch dưới của câu, sử dụng WHO, WHERE, WHAT, WHY, HOW.**

1. That girl over there is Hoa.

.....?

2. Hoa is a new student from Hue.

.....?

3. She's in Class 7A.

.....?

4. She's 13 years old.

.....?

5. She's unhappy because she misses her family.

.....?

6. Her parents still live in Hue.

.....?

7. Her house is not very far from school.

.....?

8. She lives with her uncle and aunt.

.....?

9. She walks to school.

.....?

10. Her address is 77 Chu Van An Street.

.....?

**4. Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.**

There's a new student in Class 7A. Her name is Hoa. She is from Hue. She doesn't live with her parents. They still live in Hue. She is staying with her uncle and aunt at 77 Chu Van An Street. Her house is not very far from school – about one kilometer, so she walks to school.

Ha Noi is new to her. It is bigger and noisier than Hue. Hue doesn't have many tall buildings like Ha Noi.

Her new school is also bigger than her old school in Hue. It has a lot of students.

Hoa doesn't have any friends in Ha Noi because she's a newcomer. She has a lot of friends in Hue.

She's not very happy here because she misses her parents and friends in Hue.

1. Is Hoa a new student in Class 7A?

.....

2. Where is she from?

.....

3. Does she live with her parents?

.....

4. Where do her parents live?

.....

5. What's her address?

.....

6. How far is it from her house to school?  
.....

7. How does she go to school?  
.....

8. How is Ha Noi different from Hue?  
.....

9. Why doesn't she have many friends in Ha Noi?  
.....

10. Why is she unhappy?  
.....

**5. Hãy đặt các câu hỏi với HOW, dựa trên các thông tin sau.**

1. It's three kilometers from my house to the supermarket.  
.....

2. The Amazon River is 6,750 kilometers long.  
.....

3. Mount Everest is 8,863 meters high.  
.....

4. Tam is 1.48 meters tall.  
.....

5. My classroom is large. It measures 5 by 7 meters.  
.....

6. Hoa is thirteen years old.  
.....

7. Tam goes to the school library three times a week.  
.....

8. Huong speaks English very well.  
.....

9. Ha Noi is very cold in winter.  
.....

10. There are 42 students in Hoa's class.  
.....

**6. Hãy viết các câu so sánh khách sạn Grand Hotel và khách sạn Sea View Hotel. Dùng các tính từ trong khung. Hai câu đầu đã làm sẵn cho em.**

peaceful	big	small	lovely	beautiful
comfortable	cold	cheap	clean	friendly
expensive	warm	noisy	central	

**Grand Hotel**

The Grand Hotel is a beautiful hotel in the center of town. It is a big hotel with 120 rooms. The rooms are all very clean, comfortable and warm but they are quite noisy because the hotel is on a main road. The hotel staff are polite but not very friendly.

This is not the hotel for a cheap holiday. The rooms are quite expensive at around 1,000,000 dong per person per night for bed and breakfast.

**Sea View Hotel**

The Sea View Hotel is a 30-room hotel about three kilometers from the center of town. The building is not very beautiful but the rooms have lovely views of the sea and the hotel is nice and peaceful. The rooms are not always very clean and sometimes they are a bit cold at night. But the hotel staff are always very friendly and the hotel is very cheap. It only costs 250,000 dong per person per night for bed and breakfast.

**Notes:** view: *quang cảnh*; staff: *ban nhân viên*; per: *mỗi*.

1. The Grand Hotel *is more beautiful than the Sea View Hotel.*
2. The Grand Hotel *is more central than the Sea View Hotel.*
3. The Grand Hotel .....
4. The Grand Hotel .....
5. The Grand Hotel .....
6. The Grand Hotel .....
7. The Grand Hotel .....
8. The Grand Hotel .....
9. The Sea View Hotel.....
10. The views from the Sea View Hotel .....
11. The Sea View Hotel .....
12. The Sea View Hotel .....
13. The staff in the Sea View Hotel .....
14. The Sea View Hotel .....

**7. Ôn tập thì Hiện tại đơn (the Simple Present Tense). Hãy đọc đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi.**

Our summer holidays last three months. During the last week of the holidays we get ready for school. We buy pencils, pens, paper, new

books and copy books. On the first day of school we see all our old friends again and we tell them about the holidays. After that we go into class. It is so hard to keep quiet and pay attention to our teacher. He always says with a laugh, "You forget more in three months than you learn in a year."

1. How long do our summer holidays last?

.....

2. When do we prepare for school?

.....

3. Who do we see on the first day?

.....

4. What do we tell them?

.....

5. Where do we go then?

.....

6. What does our teacher always say?

.....

**8. Mỗi dòng trong đoạn văn dưới đây có một lỗi sai. Gạch dưới lỗi ấy và viết từ đã chữa lại cho đúng vào khoảng trống đầu dòng. Dòng số 0 đã làm sẵn cho em.**

- 0. .... a ..... I am Hoa. I am the new student at this school. I
- 1. .... come from Hue. I live with my uncle and aunt in
- 2. .... Tran Hung Dao Street. My parents still lives in
- 3. .... Hue. My father is a doctor and work in a hospital
- 4. .... and our mother is a teacher. She teaches at a
- 5. .... secondary school. My father goes to work 5 day
- 6. .... every week. My mother teaches only in the
- 7. .... morning. They like their jobs. They too love
- 8. .... their smaller house on the Perfume River. I miss
- 9. .... them and I know they miss I too. I hope to see
- 10. .... them again when I am back house for the New Year.